

Bản án số: 8/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2026

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thuý Trang - thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 555/2025/TLST-HN ngày 27/11/2025 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 527/2025/QĐXX – ST ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Thanh P - sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp C, xã L, tỉnh Đ

*** Bị đơn:** Trần Thị Thúy A – sinh năm 1987;

Địa chỉ: số 326, ấp H, xã C, tỉnh Đ.

Nơi ở làm việc: ấp P, xã P, TP M, tỉnh T (Nay: ấp P, phường T, tỉnh Đ).

Anh P và chị A có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thanh P trình bày:***

- Về tình cảm: Tôi và chị A sống chung và cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Nay tôi yêu cầu ly hôn với chị A

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Gia B – sinh ngày 22/11/2010 và Nguyễn Trần Gia K – sinh ngày 21/12/2015. Khi ly hôn tôi để cháu B và cháu K cho chị A nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thị Thúy A trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và anh P sống chung và cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Nay tôi đồng ý ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Gia B – sinh ngày 22/11/2010 và Nguyễn Trần Gia K – sinh ngày 21/12/2015. Khi ly hôn tôi đồng ý nuôi cả hai con chung là cháu Gia B và Gia K. Không yêu cầu anh Phương cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P. Về hôn nhân: Anh P được ly hôn với chị A; Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Trần Gia B - sinh ngày 22/11/2020 và Nguyễn Trần Gia K - sinh ngày 21/12/2025 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị An, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị A có nơi làm việc tại ấp P, phường T, tỉnh Đ (làm việc tại Công ty TNHH MTV TMDV vật liệu xây dựng và trang trí nội thất Hưng Thịnh) nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

Anh P và chị A có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh P và chị A

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh P: anh P trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù chúng tôi đã cố gắng hoà hợp nhưng vẫn không thể hàn gắn được, chị A thống nhất với lời trình bày của anh P, chị A đồng ý ly hôn với anh P. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Gia B – sinh ngày 22/11/2010 và Nguyễn Trần Gia K – sinh ngày 21/12/2015. Khi ly hôn, anh P đồng ý để chị A nuôi cả hai con chung là cháu Gia B và cháu Gia K; cháu Gia B và cháu Gia K có nguyện vọng được sống chung với chị A và chị A cũng đồng ý nuôi cả hai cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, giao cháu Gia B và cháu Gia K cho chị A nuôi dưỡng. Anh P không cấp dưỡng nuôi con chung do chị A không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Anh P là người nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, do đó, anh sẽ chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh P. Anh Nguyễn Thanh P được ly hôn với chị Trần Thị Thúy A

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Gia B – sinh ngày 22/11/2010 và Nguyễn Trần Gia K – sinh ngày 21/12/2015.

Giao cháu Gia B và Gia K cho chị An tiếp tục nuôi dưỡng.

Người nào không trực tiếp nuôi con thì được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Anh P không cấp dưỡng nuôi con chung do chị A không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu số 0009259 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Xem như anh P đã thực hiện xong.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực I- ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- UBND xã Long Phú, ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Tuyết Hạnh



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

